PHẨM: ĐỆ TỬ
(Phần 2)

Hai là Phật sai Mục-liên "Phật bảo Đại Mục-liên..." cũng có hai phần: đi thăm bệnh và Mục Liên trả lời không kham đi nổi.

- Phật sai bảo Sở dĩ sai Mục Liên kế tiếp là vì ngài Thân Tử từ chối không kham thăm bệnh. Ngài Mục-liên là thiền định bậc nhất nên sai tiếp đó. Mục-liên là họ, tên Câu-luật-đà. Vì cha mẹ không con, cầu xin ở cây mà đẻ ra ngài, nên lấy đó đặt tên. Trong Văn-thù Vấn Kinh dịch là Lai Phục Căn, vì cha mẹ thích ăn nên lấy đó đặt tên con. Ngài Chân Đế Tam tạng giáo dịch là Hồ Đậu, vì Tiên nhân đời thượng cổ thích ăn nên lấy đó làm họ, cho đến chỉ rõ chí thâm cầu khô vinh hết mực. Đầy đủ nghĩa năm thứ lợi ích trước như đã nói rõ trong phần nói ngài Thân Tử.

- Mục Liên đáp không kham Từ "Mục-liên bạch Phật..." văn có bốn:

1/ Đáp lời không kham.

2/ Nói lý do không kham.

3/ Chính nói việc bị chê trách.

4/ Kết thành không kham.

* Đáp lời không kham: Xưa nói pháp cho cư sĩ mà bị chê trách lúc đó không biết trả lời sao, nên nay đâu dám truyền ý chỉ Như Lai mà đến thăm hỏi.

* Nói lý do không kham Từ "Sở dĩ"... đến "thuyết pháp". Do ở trong ngỏ hẻm nói pháp cho cư sĩ. Ngỏ hẻm là một con đường nhỏ quanh co. Hoặc biểu thị cho lý đoạn của kinh quanh co lý đoán không phải là đường thẳng lớn. Cư sĩ có nghĩa như trước. Vì nói pháp: Có thầy nói là vì nói giới thiện nay e không phải. Giới thiện là nhân thiên thừa, không phải đế lý nhập đạo. Mục-liên phần nhiều nói tích không nhập đạo. Sao biết được? Vì loại chê trách các Thanh văn đều đối nhau với Bán mãn, tìm xem đoạn văn chê trách ở sau thì đúng thế.

Chính kể việc bị chê trách Từ "Thời Duy-ma"trở xuống văn có ba: Một là Chê chung. Hai là chê riêng. Ba là nghe pháp được lợi ích.

Một, Chê chung: "Không phải như nhân giả đã nói." Nếu dùng tiếng bỏ tức là Không đúng pháp tướng căn duyên. Có ba thứ không đúng: Không đúng pháp tướng, không đúng căn duyên, không đúng tâm Phật. Về không đúng pháp tướng, thì pháp tướng tức không, sao nói phá bỏ, đây là trái pháp tướng, không đúng đạo lý. Về không đúng căn

duyên: với đại thừa căn duyên cần nói pháp đại thừa, không thể lấy bát quý mà đựng đồ dơ, đã không được đạo lớn mà còn mất lợi nhỏ, nên là Không đúng căn duyên. Về không đúng ý Phật: Bổn ý Phật là đại sự nhân duyên, đối kẻ không nhận được thì mới dùng tiểu thừa mà tiếp dẫn. Nay đối với đại cơ tức đáng nói đại, sao bỗng lấy tiểu mà hóa độ đại căn. Đây là Không đúng ý Phật. Gồm ba ý này mà chê trách nên nói không đúng như nhân giả nói. Thật ra vì sức thiền định của Mục-liên còn cạn, nên pháp tướng không sáng tỏ, như nước không lóng trong thì tướng châu không hiện rõ. Lại định Tiểu thừa quán căn không biết lợi độn, đến nỗi có lỗi lậu cơ.

Hai, Chê riêng Từ "Phàm thuyết"... trở xuống, có ba phần: là dùng ba giáo diễn môn riêng phá ba thứ không đúng của Mục-liên. Đây có ba cặp:

a/ Ngoài nói đúng pháp tướng, trong hiểu đúng pháp tướng, là dùng tức không của Thông giáo mà bài bác không phải tức không, phá việc nói pháp của Mục-liên không đúng đạo lý.

b/ Ngoài hiểu rõ căn duyên, trong khéo biết thiện được vô ngại, là dùng Biệt giáo mà phá việc không đúng căn duyên, không được bốn vô ngại.

c/ Ngoài từ bi nghĩ nhớ chúng sinh, trong nghĩ báo đền ân Phật, là dùng Viên giáo mà phá cái không đúng tâm Phật, luôn dùng Ba giáo mà nói pháp, tức là đúng pháp tướng mà nói. Mục-liên không dùng ba thứ này nói pháp cho cư sĩ, cho nên bác việc nói của ngài không đúng Tam tạng giáo, khiến nương ba Như pháp tướng của Đại thừa mà nói.

Cặp thứ nhất có hai, là nói đúng như pháp, và hiểu đúng như pháp. Nói đúng như pháp có ba phần nhỏ:

Nêu chương khuyên chung, nói riêng và phần kết.

Đầu tiên, khuyên chung: Phải nương vào môn thể pháp ba không của đại thừa, như pháp mà nói.

Tiếp nói riêng về thể pháp ba không Từ "pháp vô..." trở xuống phá cái lỗi dụng tích ba không. Có ba phần:

a. Bốn phen nói về cửa sinh không của Đại thừa mà phá tích sinh không.

b. Tám phen nói về thể pháp pháp Không mà phá tích pháp pháp Không.

c. Bảy phen đều có sáu trường hợp nói bình đẳng Không phá bình đẳng Không của Tam tạng giáo. Cần tóm tắt phân biệt ba không khác nhau. Ba không của Tam tạng giáo, giáo là nói: Năm ấm thành người

tức là ấm, lìa ấm tìm người không được nên gọi là chúng sinh không. Phân tích năm ấm không gọi là pháp Không. Nên kinh A-hàm có nói: Ai lão tử là lão tử, cả hai đều là tà kiến. Không thấy ai lão tử gọi là chúng sinh không. Không là lão tử gọi là pháp Không. Nương vào Tỳ-đàm môn chỉ nói sinh không. Thành luận không môn nói đủ ba không. Có sự giải thích bình đẳng Không rằng: Nếu có nhân pháp thì không gọi là bình đẳng, không có nhân pháp khác nhau, đó là bình đẳng. Bình đẳng tức không, nên gọi bình đẳng Không.

Nay nghiên cứu lời này nếu nói bình đẳng tức là bình đẳng Không thì lẽ ra sinh pháp tức sinh pháp Không. Nếu sinh pháp thẳng thì không phải là sinh pháp Không. Phải phá sinh pháp gọi là sinh pháp Không, tức cũng phải phá bình đẳng, mới gọi là bình đẳng Không. Nếu chỉ nói hai không thì bình đẳng thuộc pháp. Pháp ngữ tuôn tràn thâu nhiếp tất cả. Nên Đại luận có nói: Pháp Vô thượng Niết-bàn, thế nên Niết-bàn không cũng là pháp Không. Tuy lại hai, ba đều là tích giả danh gọi là độ vụng về, dùng khéo phá vụng mới nói thể không. Nay dùng dụ để làm sáng tỏ cái khác nhau của tích và thể. Như ngoại đạo đưa tay lên thì ảnh trong gương cũng đưa tay lên "đầy đủ trong huyền nghĩa". Người trí phân biệt và ảnh trong gương không nắm tay kia có ngón tay cũng không trống không. Không cần phải phá tích mới biết là Không không. Ba pháp này chỉ có danh tự. Pháp danh tự thì không ở trong ở ngoài hay ở giữa, cũng không tự có, chữ ấy không trụ cũng không đâu không trụ, bặt đường ngôn ngữ không nói không bày, pháp tướng như thế há có thể nói ư? Như ba không của Tam tạng giáo, thì hai thứ trước là phương tiện, bình đẳng Không mới là chân, nếu ba không của Đại thừa thì tức chân nhập trung. Nếu ba không của Thông giáo thì cùng được thấy chân. Bậc thượng căn lợi trí tuy nhờ Thông giáo thấy Không mà chẳng Không, tức là thấy Phật tánh. Nay ngài Tịnh Danh dùng thể phá tích, nên nói không đúng như nhân giả nói.

Từ "pháp Không trở xuống" là trước hết bốn phen nói thể pháp nhập chúng sinh không tức nhập Trung đạo.

Hỏi: Sinh không sao được vào trung?

Đáp: Đại Phẩm nói: "Tất cả pháp hướng đến ngã kiến..." Đại kinh nói: Chúng sinh và Phật tánh. "Không"tức sáu pháp mà không lìa sáu pháp. Đây nói sáu mươi hai kiến là Như Lai chủng. Nay nói pháp tức là tâm vô minh đầy đủ tất cả pháp. Nên ở đoạn văn sau nói: Tâm cấu nên chúng sinh cấu, tâm tịnh nên chúng sinh tịnh. Hoa Nghiêm có nói: Tâm như ông thợ vẽ, vẽ đủ thứ năm ấm, tất cả mọi thứ trong thế gian đều do

tâm tạo, căn cứ đây để nói về tất cả pháp. Pháp Không chúng sinh, vì lìa chúng sinh cấu, thì nay có ba cách giải:

1. Xét theo lý tánh.

2. Xét về tuệ.

3. Xét về phương tiện tuệ.

Từ đây trở đi nói lìa tất cả quán hạnh căn cứ vào ba thứ này đều nên để ý.

Xét về lý tánh: tâm và các pháp tức là pháp tánh, pháp tánh vốn tịnh, rốt ráo không có gì, sao lại có chúng sinh. Nếu không có chúng sinh, tức là Không có chúng sinh cấu. Ấy là tự tánh thanh tịnh, tâm không bị hoặc nhiễm, nên gọi là lìa. Đoạn văn sau nói: Như Ưu-ba-ly do tâm tướng được giải thoát, lúc đó có cấu chăng? Chúng sinh không cấu cũng thế. Kinh Thắng Thiên Vương có nói: Vì tự tướng Không, nên lìa tự tướng.

Xét theo thật tuệ, nếu pháp tức pháp tánh, pháp tánh không có chúng sinh mà vọng chấp là có chúng sinh, cho nên có mười sáu, sáu mươi hai... các kiến phiền não cấu. Nếu hiểu biết pháp tánh, rốt ráo không có chúng sinh, tức lìa cấu các kiến trên... Nên gọi là lìa chúng sinh cấu.

Xét theo phương tiện tuệ. Nếu thật tuệ cùng lý hợp nhau thường không có chúng sinh mà hiện có chúng sinh, có thể khiến chúng sinh lìa chúng sinh cấu, thì đây tức là ba thứ giải thoát, không dọc không ngang như chữ nhất ở đời. Chúng sinh Không này đâu có thể cho là đồng với Thanh văn kia. Từ đây trở đi đều có ý này. Vì không đâu không phải là quán tâm nên không cần y cứ quán tâm mà giải thích.

Vì pháp chẳng đoạn rốt ráo, ngay nơi ấm mà lìa ấm, tìm ngã không được, thì ngã kiến liền diệt, mới lìa được tất cả kiến phiền não cấu là pháp thể ngã không vậy.

Xét về lý, thì tâm và các pháp tức là pháp tánh, pháp tánh xưa nay ngã phi vô ngã là chân vô ngã. Pháp tánh còn không có chỗ naò có ngã, tức là tự tánh lìa ngã cấu.

Xét về thật tuệ, nếu pháp tánh vô ngã mà có ngã cấu, là bởi vì không biết nghĩa chân vô ngã. Nếu hay nhận biết pháp tánh và vô ngã, tất cả thuộc kiến, các cấu tự lìa nên nói là lìa ngã cấu.

Xét về phương tiện tuệ và kết thành ba thứ giải thoát suy như trước mà biết.

Pháp Không có mạng sống vì lìa sinh tử.

Theo lý giải thích tâm và các pháp tức là pháp tánh. Pháp tánh sao

được có vọng báo, có mạng sống, nếu không mạng sống tức là Không có sinh tử, nên nói là lìa sinh tử.

Về thật tuệ, thì pháp tức pháp tánh, hiểu biết như thế tức không thấy có mạng sống được lìa sinh tử.

Về phương tiện cho đến ba giải thoát đều suy như trước nói.

Pháp Không có nhân "người) vì bờ mé trước sau đều đoạn. Nếu theo sự giải thích thì bờ trước là sinh tử, mé sau là Niết-bàn. Theo lý giải thích, thì tâm và các pháp tức là pháp tánh sao lại có sinh tử Niết-bàn trước sau?

Nếu căn cứ pháp tánh không phải hai pháp, thì tức là Trung đạo Phật tánh, sao có trước sau, ấy tức là từ xưa không có nên nói là đoạn dứt. Kế tiếp xét theo thật tuệ, do vô minh không biết nên vọng chấp là có. Nếu thể nhập pháp tức là pháp tánh không đồng sinh tử của phàm phu, không đồng Niết-bàn của Nhị thừa, nên nói bờ mé trước sau đều đoạn dứt. Về phương tiện tuệ cho đến ba giải thoát giống như trước nói.

Từ "Pháp thường"trở xuống là tám phen nói phân biệt pháp nhập vào pháp Không.

Pháp thường vắng lặng vì các tướng diệt mất, nếu theo lý giải thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh, gọi là thường tịch nhiên, tức là Đại Niết-bàn không thể diệt mất, mà nói các tướng diệt mất, về lý của pháp tánh vốn không khởi tướng. Đây là căn cứ tánh diệt nên nói là diệt. Nếu xét theo thật tuệ, thì thể đạt lý tịch nhiên, các tướng vọng tưởng tự nhiên diệt mất. Còn xét theo phương tiện cho đến ba giải thoát thì đều như trước đã nói.

Lìa pháp bỏ tướng vì không chỗ duyên, nếu theo lý giả thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh, vốn không có mười tướng nên nói là lìa tướng. Nếu không có tướng cảnh thì không bị vọng niệm duyên với trí thức. Theo thật tuệ giải thích, thì nếu hiểu biết tự tánh của pháp tánh là lìa tướng, thì vọng niệm tự dứt, không duyên với niệm. Lý trí hợp nhau thì có phương tiện, cho đến ba giải thoát như trên.

Pháp Không danh tự vì ngôn ngữ đoạn dứt, nếu theo lý giải thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh vốn không thể nói, gọi là ngôn ngữ đoạn dứt. Nếu theo thật tuệ giải thích, thì thấu suốt lý pháp tánh, tức vô ngôn thuyết , nên gọi là ngôn ngữ đoạn dứt . Lý trí hợp nhau thì có phương tiện cho đến thành ba giải thoát suy diễn như trước.

Pháp Không nói năng lìa bỏ giác quán, nếu theo lý giải thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh, xưa nay không nói năng, sao có giác quán. Nếu theo thật tuệ giải thích thì thấu suốt pháp tánh không có nói

năng, thì phan duyên với giác quán tự nhiên không khởi, nên nói là lìa bỏ. Lý trí hợp nhau cho đến ba giải thoát nên biết.

- Pháp Không hình tướng vì như hư không, theo lý giải thích thì, tâm và các pháp tức là pháp tánh, không hình không chất, không có tướng mạo, không thể phân biệt, cũng như hư không. Nếu căn cứ thật tuệ, là thấu suốt pháp tánh không thấy tướng mạo, tâm như hư không. Lý trí hợp nhau cho đến ba giải thoát nên biết.

Pháp Không hý luận vì rốt ráo không, căn cứ lý giải, tâm và các pháp tức là pháp tánh, vốn không ái kiến, pháp hý luận rốt ráo không có. Theo thật tuệ giải thích, thì thấu suốt pháp tánh vốn không hý luận, tức rốt ráo không tịch. Lý trí hợp thành ba giải thoát nên biết.

Pháp Không có ngã vì lìa ngã sở: theo lý giải thích , thì tâm và các pháp tức là pháp tánh, xưa nay vốn không ngã, sao có ngã sở. Vì tự tánh lìa vậy. Theo thật tuệ giải thích là thấu suốt pháp tánh là vô ngã, tức lìa tất cả ái trước. Lý trí hợp thành ba giải thoát nên biết.

Pháp Không phân biệt vì lìa các thứ, theo lý giải thích thì, tâm và các pháp tức là pháp tánh vốn không phân biệt, vì tánh không phải sáu, bảy, tám thức. Xét về thật tuệ, thì thấu suốt pháp tánh là lý không phân biệt, tức lìa các thức sinh tử duyên khởi. Lý trí hợp nhau cho đến ba giải thoát nên biết.

Từ "Pháp Không"... trở xuống là bảy phen và các trường hợp bình đẳng Không pháp Không vậy.

Pháp Không so sánh không có tướng đối đãi, theo lý giải thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh. Như Đại Phẩm có nói: Bồ-tát khi hành Bát-nhã không thấy ngoài pháp tánh còn có pháp, đã không có pháp lấy gì so sánh, tức là dứt hết đối đãi.

Hỏi: Nếu nói pháp Không có so sánh là tuyệt dứt đối đãi, "tuyệt đãi) là chỉ lấy đối đãi mà nói là Không đối đãi, há là tuyệt mất ư?

Đáp: Nếu dùng tâm có đối đãi, phân biệt không có đối đãi, thì cũng là chấp có đối đãi. Nếu pháp tánh không tâm, thì tất cả đối đãi đều là Không đối đãi. Theo thật tuệ, giải thích thì thấu suốt pháp tánh lại không có một pháp nào có thể so sánh, hoặc đối đãi nhau tự nhiên diệt mất. Lý trí hợp nhau phương tiện không trệ ngại, cho đến thành ba giải thoát nên biết.

Nay lấy không đối đãi mà đối với bình đẳng Không, thì mê hoặc về đối đãi đã vi tế, cho đến lý bình đẳng cũng còn. Nếu có thể dứt hết đối đãi, tức không đối đãi mà chẳng đối đãi, nên pháp bình đẳng cũng là Không. Nhưng Tam tạng giáo nói về bình đẳng Không thì chỉ là đối

đãi của thiên chân, do đâu mà dứt được. Nay nói pháp tánh không có so sánh, tâm trí chướng diệt mới là nghĩa tuyệt đãi thật sự, pháp Không thuộc nhân vì không ở nơi duyên, theo lý giải thì tâm và các pháp tức là pháp tánh vốn chẳng phải sáu nhân không ở bốn duyên, cũng không phải mười hai nhân duyên lưu chuyển. Nhưng sáu nhân thì có nhân Sở tác mà có chỗ tạo tác, bốn duyên thì có duyên tăng thượng, cùng đối đãi nhau, ý đồng. Cho nên thuộc bình đẳng Không phá bỏ. Xét theo thật tuệ, nếu hiểu pháp tánh không phải là sáu nhân, bốn duyên và mười hai nhân duyên thì như trên nói đều diệt mất. Lý trí hợp nhau cho đến ba giải thoát nên biết.

Pháp đồng pháp tánh vì nhập vào các pháp, theo lý giải thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh, nên nói là đồng. Trong tất cả pháp đều có tánh an lạc, một pháp vào tất cả pháp, tất cả pháp vào một pháp. Cho nên nói: Nhập vào các pháp. Theo thật tuệ giải thích thì, thấu suốt pháp tánh tức là trí tuệ, nhập vào tất cả pháp đều là pháp tánh. Lý trí hợp nhau cho đến thành ba giải thoát nên biết.

Pháp tùy thuộc ở Như không chỗ có gì tùy thuộc. Theo lý giải thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh, pháp Không trái Như nên nói là pháp tùy theo Như, pháp tức pháp tánh, mà pháp tánh tức Như, không có năng sở khác nhau, nên nói là Không có gì tùy thuộc. Về thật tuệ thì, thấu suốt pháp tánh như như không khác, tức không thấy có trí năng quán mà khác ở như, nên nói không có gì là tùy. Lý trí hợp nhau cho đến ba giải thoát nên biết.

Pháp trụ thật tế vì các biên không động. Theo lý giải thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh. Pháp tánh tức là tên khác của thật tế. Nếu pháp nương vào pháp tánh tức là trụ ở thật tế. Thật tế không phải biên, nên không động ở bốn biên, hay hai biên. Theo thật tuệ, giải thích thì có thể thấu suốt việc trụ ở thật tế nên không bị bốn biên, hai biên tà kiến lay động. Lý trí hợp đến ba giải thoát nên biết.

Pháp Không dao động vì không nương vào sáu trần. Theo lý giải thích, thì tâm và các pháp tức là pháp tánh không nương vào sáu trần. Theo thật tuệ giải thích thì nếu thấu suốt pháp tánh tức là sáu căn, luôn tịnh không nhiễm sáu trần. Lý trí hợp cho đến ba giải thoát nên biết.

Pháp Không tới lui vì thường không trụ . theo lý giải thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh, không tới không lui, ắt không hề có ttrụ. Thật tuệ giải thích thì thấu suốt pháp tánh vốn không tới lui, tức không trụ ở sinh tử hay Niết-bàn. Lý trí hợp nhau cho đến ba giải thoát nên biết.

Pháp thuận Không tùy vô tướng ưng vô tác. Như kinh Thanh văn nói: Ba thứ Tam-muội căn cứ mười sáu hành thì Đại thừa nói nghĩa đồng còn duyên thật tướng, tùy thuận mà ứng hóa. Ba tên tuy khác mà đồng một thật tướng. Nếu giải thích theo lý thì ba thứ Tam-muội, như kinh Tư Ích nói: Tất cả chúng sinh tức là diệt định không có ba thứ sai biệt thì tự có theo thật tuệ mà nói ba thứ Tam-muội tức là nói nghĩa trở về gốc và tự có dựa theo ứng dụng luận về ba thứ Tam-muội, tuy thuận tướng hữu tác mà ở nội tâm không trái thật pháp, tức là ba thứ giải thoát chuẩn theo trên.

Lìa pháp tốt xấu, nếu theo lý giải thích thì tâm và các pháp tức là pháp tánh không có Niết-bàn là tốt, sinh tử là xấu. Nếu theo thật tuệ giải thích thì thấu suốt pháp tánh không có tốt xấu, lìa bỏ cái khác nhau của sinh tử đáng ghét và Niết-bàn đáng yêu. Lý trí hợp cho đến ba giải thoát chuẩn theo trên.

Pháp Không tăng giảm: tâm và các pháp tức là pháp tánh, không có sinh tử tăng thêm, không có Niết-bàn giảm bớt. Về thật tuệ và lý trí hợp thành ba thoát cùng suy như trước.

Pháp Không sinh diệt: là tâm và các pháp tức là pháp tánh. Xưa vốn không sinh, nay thì không diệt.

Pháp Không chỗ về, tâm và các pháp tức là pháp tánh, sao lại có chỗ về.

Pháp ở ngoài mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, tâm và các pháp tức là pháp tánh ở ngoài sáu vọng căn, vì không thuộc căn.

Pháp Không cao thấp, tâm và các pháp tức là pháp tánh, còn không có cái cao chủng trí Niết-bàn, thì đâu lại có cái thấp của phiền não sinh tử.

Pháp thường trụ bất động, tâm và các pháp tức là pháp tánh thường hằng không biến đổi, nên nói là bất động.

Lìa pháp tất cả quán hạnh, tâm và các pháp tức là pháp tánh, vốn không có quán hạnh, vì tự tánh vốn lìa.

Từ "Không sinh diệt"... trở xuống sáu câu, đều phải dựa theo thật tuệ và lý trí hợp thành phương tiện tuệ, làm nghĩa ba giải thoát thì chuẩn theo trên mà biết.

Hỏi: Sao được các câu giải thích theo ba cách đều có đủ ba giải thoát?

Đáp: Đại kinh có trăm câu giải thoát, Hoa Nghiêm có vi trần giải thoát, Pháp Hoa có nhất thiết giải thoát. Nay mấy mươi câu sao gọi là nhiều. Nếu không có câu câu biện giải, câu câu tung hoành dọc ngang

thì đâu giống chữ Y, giống như ba mắt của Thủ-la ở đời và khác với Tam tạng giáo ư? Đây chỉ nói tổng quát.

Cuối cùng là kết phá: Đã không thể như ngài Tịnh Danh nói như pháp tướng, mà lại dùng pháp của ba thừa tuyên nói cho các cư sĩ trái với đại pháp tướng nên bị chê trách là Không đúng như nhân giả nói.

Hỏi: Pháp tánh không thể nói, sao ngài Tịnh Danh nói được?

Đáp: Ở đoạn văn sau có nói: Không lìa văn tự nói tướng giải thoát lìa tánh văn tự tức là giải thoát. Giải thoát tức là các pháp. Ngài Tịnh Danh dùng bốn Tất-đàn khéo léo không nói mà nói, tức là như pháp tướng mà nói.

Từ "Phàm nói"trở xuống là phẩm hai của cặp thứ nhất nói không thể hiểu đúng pháp tướng. Lại có hai phần nhỏ: và mượn huyễn làm dụ.

- Chánh thức chê: Nói phàm thuyết pháp là Không nói không chỉ bày, đây tức là như pháp tướng mà hiểu. Pháp tướng chân như, không nhân không ngã, thì ai là người nói. Nếu không có người nói, tức không thể chỉ bày. Không người nói, tức như Đại kinh có bốn bất khả thuyết. Không chỉ bày tức không có bốn lý để chỉ bày. Nên kinh Pháp Hoa nói: Pháp ấy không thể chỉ bày, vì tướng ngôn từ lặng dứt, các loại chúng sinh khác không thể hiểu được. Người nghe pháp Không nghe, không được gì, nếu như pháp tướng mà hiểu, chẳng những không có người có thể nói mà cũng không có kẻ nghe pháp. Đã không có người nghe thì ai nghe ai được. Không nghe tức là Không có bốn môn nghe ở bốn nói, không được tức là Không có bốn lý có thể chứng. Nếu Mục-liên không thấu suốt cái thể này tức là còn chấp chặt có thầy trò năng sở, đâu được là như pháp tướng mà hiểu.

- Huyễn dụ "Từ Thí như ... nội pháp"Bồ-tát nhập vào Như huyễn Tam-muội mà hiểu biết, kẻ nói người nghe đều biết là người huyễn hóa, tuy biết không thật mà có điều nói ra, tức là biết bốn thứ bất khả thuyết. Tất-đàn phó duyên chỉ cho mọi người bốn lý mà lý cũng như huyễn hóa. Cho nên trong Đại phẩm có nói: "Giả sử có pháp hơn Niết-bàn thì ta cũng nói đó là như huyễn." Người ví như nghe đều do vô minh huyễn sự mà có, thế thì không có mà có. Tuy có việc nghe nhưng là nghe huyễn, không nghe không được gì. Nếu ngài Mục-liên nhập vào Như huyễn Tam-muội mà nói thì có thể như pháp tướng mà hiểu, nếu không như thế tức là Không như pháp tướng mà hiểu, thì sao có thể như pháp tướng mà nói. Nên chê trách là Không phải như nhân giả nói, ý là ở đây vậy.

Cặp thứ hai, Chê trách nói pháp Không hợp căn duyên Từ "Phải

hiểu...” trở xuống. Đây là Không hiểu Biệt giáo không nhập giả quán, không được đạo chủng trí pháp nhãn mà biết bệnh biết thuốc, tùy bệnh cho thuốc. Văn có hai phần: Trách không biết căn và trách đối với tri kiến có trệ ngại.

- Trách không biết căn: Nói phải hiểu căn chúng sinh có lợi độn, Mục-liên hoặc nghĩ rằng Như Lai cũng nói pháp này sao bị chê trách. Ngài Tịnh Danh biết ý nghĩ đó liền quở rằng: Như Lai biết căn cho nên ở kinh Thanh Văn thì nói giáo tích Không này. Nay cư sĩ lợi căn sao dùng cách vụng về mà nói pháp cho họ. Cho nên nói thể Không để hợp cơ của họ mà khéo léo ở tri kiến không hề trở ngại.

- Trách tri kiến có trệ ngại. Vì không có chủng trí pháp nhãn, nên nói pháp có trệ ngại. Nay ngài Tịnh Danh thấu suốt được đạo chủng trí của Biệt giáo, nên biết pháp Không trệ ngại. Được pháp nhãn, nên thấy pháp Không trệ ngại, nên biết bệnh biết thuốc, tùy bệnh cho thuốc. Dùng bốn vô ngại mà phó cơ không trệ ngại.

Cặp thứ ba, Trách nói pháp vận tâm không đúng ý Phật Từ “Dĩ đại...”trở xuống. Đây do không hiểu Đại thừa của Viên giáo, nên trách không phải như nhân giả nói. Văn có hai phần: Phải khởi tâm đại bi và nghĩ báo ân Phật.

- Đem tâm đại bi mà khen ngợi Đại thừa. Bi thường cứu khổ . nếu bi Tiểu thừa thì nói cứu khổ nhỏ trong cõi “nội giới, còn bi Đại thừa thì có khả năng cứu khổ lớn ở trong ngoài cõi và khiến được giải thoát bất tư nghị trụ ở Đại Niết-bàn.

- Nghĩ báo ân Phật Từ “Niệm báo... thuyết pháp”. Ngài Mục- liên nhờ Phật mà được giải thoát nên nghĩ báo đền ân Phật, phải độ chúng sinh nối thạnh giống Tam bảo. Nay nói Tiểu thừa vô thường nhập Không, khiến cư sĩ đoạn kiết nhập diệt, tức là dứt giống Tam bảo, đâu gọi là báo ân. Nếu theo Viên giáo thâm quán, tất cả các pháp khai Phật tri kiến tức là ba thoát, ba đức, ba báu không dọc không ngang, khai tâm chân giải, tâm tâm đều vắng lặng, tự nhiên lưu nhập vào biển Tát-bà-nhã. Đó là Không đoạn giống Tam bảo tức là thật báo ân Phật xứng hợp tâm Phật.

Cư sĩ được lợi Từ, “Duy-ma... Bồ-đề tâm”Ngài Tịnh Danh đã hay như pháp tướng mà hiểu, Như pháp tướng mà nói, khế hợp với Đại cơ, thì tám trăm cư sĩ đều phát đại tâm.

Kết thành không kham, Từ “ngã vô... vấn bệnh”. Ngài Mục-liên tự xét mình không đủ biện tài của ba giáo đến nỗi khi xưa bị chê trách. Nay đâu dám nhận lãnh ý chỉ Phật đến thăm bệnh.